

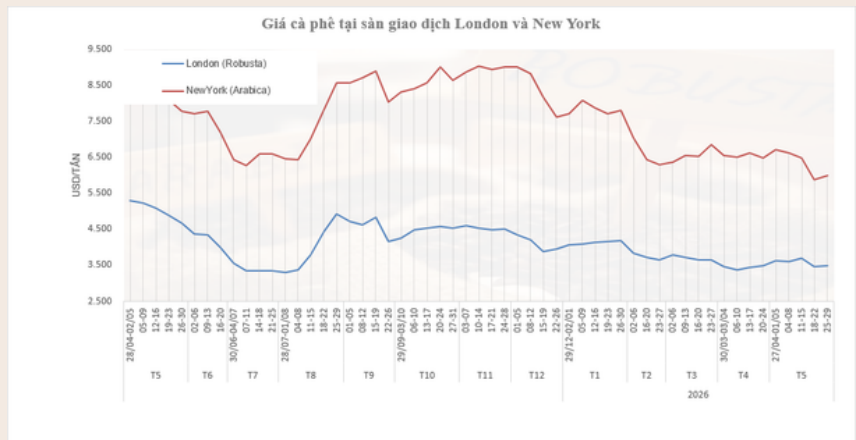
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tăng trên sàn giao dịch New York và tăng trên sàn London trong tuần từ 01/06/2025 - 29/05/2026.
- Tính đến ngày 27/5/2026, lượng tồn kho cà phê toàn cầu đạt 443.608 bao, giảm 448.860 bao, tương đương 50,29% so với cùng kỳ năm 2025.
- Theo USDA, sản lượng cà phê nhân xanh của Kenya niên vụ 2026/2027 được dự báo tăng 12%, đạt 950.000 bao.
- Theo USDA, sản lượng cà phê nhân xanh của Indonesia niên vụ 2026/2027 dự báo giảm 8%, xuống 11,38 triệu bao.
- Theo CONAB, Brazil dự báo đạt sản lượng ước đạt 66,7 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 01/06/2026 đến 29/05/2026, giá cà phê thế giới tăng trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 07/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.500 USD/tấn, tăng 0,5% so với tuần trước và giảm 28,4% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.554 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.456 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 07/2026 bình quân đạt 6.009 USD/tấn, tăng 2% so với tuần trước, và giảm 25,8% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.046 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.949 USD/tấn.[1]

TÌNH HÌNH TỒN KHO CÀ PHÊ

Tồn kho cà phê Arabica chế biến ướt được chứng nhận trên Sở Giao dịch New York tiếp tục ghi nhận xu hướng giảm dần trong nhiều tháng gần đây, phản ánh sự thu hẹp về nguồn cung khả dụng tại các thị trường tiêu thụ. Tính đến ngày 27/5/2026, lượng tồn kho đạt 443.608 bao, giảm 448.860 bao, tương đương 50,29% so với cùng kỳ năm 2025. So với đầu năm 2026, mức tồn kho này giảm 9.298 bao, tương ứng 2,05%. [2]

Các quốc gia sản xuất cà phê đủ điều kiện giao hàng vào kho chứng nhận gồm Brazil, Colombia, Honduras, Peru, Guatemala, Kenya, Mexico, Rwanda, Tanzania, Uganda và một số nước sản xuất Arabica khác. Trong cơ cấu tồn kho hiện tại, cà phê từ Honduras chiếm 27,58%,

Peru chiếm 13,84%, trong khi Arabica chế biến bán ướt của Brazil chiếm 2,57%. Việc niên vụ Brazil 2026/2027 bắt đầu đưa hàng ra thị trường có thể góp phần bổ sung một phần tồn kho trong thời gian tới. Về phân bố địa lý, 72,78% lượng Arabica chứng nhận được lưu giữ tại châu Âu, tương đương 322.875 bao, còn 27,22% tại Hoa Kỳ, tương đương 120.733 bao. [2]

Trong khi đó, tồn kho Robusta chứng nhận trên Sở Giao dịch London đạt 653.500 bao, giảm 251.167 bao, tương đương 27,76% so với cùng kỳ năm trước. Chênh lệch giá giữa hợp đồng London và New York thu hẹp xuống khoảng 2,48 USD/kg, cho thấy Robusta London đang được định giá thấp hơn khoảng 41,64% so với Arabica New York. [2]

KENYA

Theo báo cáo của USDA, sản lượng cà phê nhân xanh của Kenya trong niên vụ 2026/2027 được dự báo tăng gần 12%, đạt khoảng 950.000 bao, nhờ diện tích thu hoạch mở rộng và mức độ chăm sóc cây trồng được cải thiện sau hai năm giá cà phê duy trì ở mức cao. Mức sản lượng này cho thấy sự phục hồi so với 850.000 bao của niên vụ 2025/2026 và tương đương với mức ước tính sản lượng của niên vụ 2024/25.[3]

Xuất khẩu cà phê của Kenya được dự báo tăng từ 840.000 bao trong niên vụ 2025/2026 lên 940.000 bao trong niên vụ 2026/2027. Trong tổng lượng xuất khẩu này, cà phê nhân xanh tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo với khoảng 900.000 bao, trong khi cà phê rang đạt khoảng 30.000 bao và cà phê hòa tan đạt khoảng 10.000 bao.[3]

Trong niên vụ 2024/2025, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Kenya, chiếm 17,2% tổng lượng xuất khẩu, tiếp theo là Bỉ với 15,5% và Đức với 12,7%. Theo USDA, xuất khẩu cà phê của Kenya trong tháng 1/2026 tăng lên mức kỷ lục 231.561 bao, chủ yếu nhờ ưu đãi miễn thuế vào thị trường Hoa Kỳ theo Đạo luật Tăng trưởng và Cơ hội châu Phi.[3]

INDONESIA

Theo báo cáo thường niên mới nhất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê nhân xanh của Indonesia trong niên vụ 2026/2027 được dự báo giảm 8%, xuống còn khoảng 11,38 triệu bao, chủ yếu do lượng mưa lớn ảnh hưởng đến các vùng trồng Robusta trọng điểm. Trong tổng sản lượng dự kiến, cà phê Robusta đạt khoảng 10 triệu bao, còn Arabica đạt khoảng 1,38 triệu bao, thấp hơn mức 12,37 triệu bao của niên vụ 2025/2026. Diện tích cà phê được dự báo duy trì ổn định ở khoảng 1,2 triệu ha, trong đó Sumatra chiếm khoảng 60% diện tích cà phê cả nước, còn Nam Sumatra đóng góp 80–90% sản lượng Robusta quốc gia.[4]

Tiêu thụ cà phê nội địa của Indonesia trong niên vụ 2026/2027 được dự báo đạt 4,83 triệu bao, tăng nhẹ 20.000 bao so với niên vụ 2025/2026. Trong đó, cà phê rang xay chiếm khoảng 3,28 triệu bao, còn cà phê hòa tan đạt khoảng 1,55 triệu bao.[4]

Xuất khẩu cà phê nhân xanh của Indonesia được dự báo giảm từ 7,84 triệu bao trong niên vụ 2025/2026 xuống còn 7 triệu bao trong niên vụ 2026/2027.[4]

BRAZIL

Theo CONAB, Brazil được dự báo đạt lượng thu hoạch cà phê kỷ lục trong năm 2026, với sản lượng ước đạt 66,7 triệu bao, tăng 18% so với niên vụ trước. Nếu kết quả dự báo này đúng, đây sẽ là mức sản lượng cà phê Brazil cao nhất trong chuỗi số liệu lịch sử của cơ quan này, vượt mức 63,08 triệu bao ghi nhận năm 2020.[5]

Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ chu kỳ sản xuất hai năm thuận lợi, cùng với diện tích sản xuất cà phê được mở rộng và điều kiện thời tiết tích cực trong các giai đoạn phát triển quan trọng của cây cà phê.[5]

Cà phê Arabica được dự báo là nhóm chủ đạo, với sản lượng năm 2026 đạt khoảng 45,8 triệu bao, tăng 28% so với cùng kỳ và là mức cao thứ ba trong lịch sử. Sản lượng cà phê Robusta ước đạt 20,9 triệu bao, tăng 0,8%. Tại các bang sản xuất trọng điểm, Minas Gerais có thể đạt 33,4 triệu bao, tăng 29,8%, trong khi Espírito Santo dự kiến đạt khoảng 18 triệu bao.[5]

Dù sản lượng tăng, nhưng giá cà phê được dự báo khó giảm mạnh do tồn kho thấp và nhu cầu thế giới tiếp tục tăng.[5]

GLOBAL COFFEE AWARDS MỞ RỘNG SANG CHÂU Á

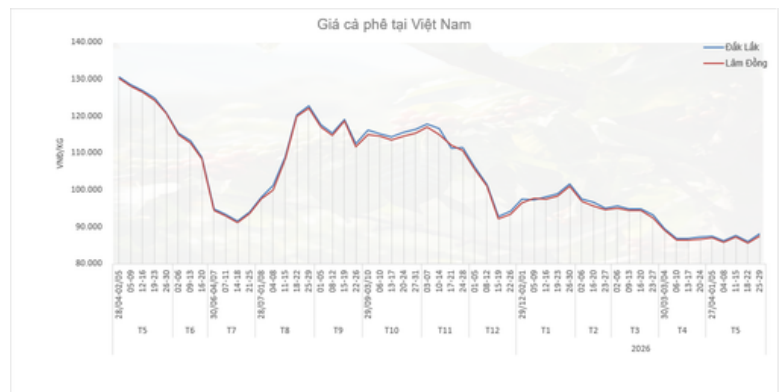
Cuộc thi Global Coffee Awards (GCA) mở rộng sang châu Á trong năm 2026 nhằm tìm kiếm và tôn vinh các nhà rang xay cà phê xuất sắc nhất tại khu vực có tốc độ tăng trưởng tiêu thụ cà phê nhanh nhất thế giới. Sau các phiên bản tại Hoa Kỳ và Canada, châu Âu và nhóm nước sản xuất cà phê trong năm 2025, việc tổ chức GCA Asia phản ánh xu hướng dịch chuyển mạnh của thị trường cà phê đặc sản sang các nền kinh tế châu Á. Tiêu thụ cà phê tại khu vực này đã tăng hơn 14% kể từ năm 2018, nhờ sự phát triển của các chuỗi cà phê, thương hiệu đặc sản và nhu cầu ngày càng cao về nguồn gốc, phương pháp pha chế và trải nghiệm cảm quan. Cuộc thi có sự tham gia của nhiều thị trường đa dạng, từ các thị trường phát triển như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore đến các thị trường đang tăng trưởng nhanh như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam. Khác với các cuộc thi tập trung vào cà phê nhân xanh, GCA đánh giá cà phê rang dựa trên quy trình nếm mù hai giai đoạn, mô phỏng trải nghiệm thực tế của người tiêu dùng tại quán cà phê.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc tăng so với tuần trước.
- Theo Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 4/2026, Việt Nam xuất khẩu 190 nghìn tấn cà phê, đạt 823 triệu USD; so với cùng kỳ năm trước, lượng tăng 9,2% nhưng kim ngạch giảm 17,9%.
- Sáng kiến đưa trí tuệ nhân tạo vào vùng trồng cà phê của King Coffee cho thấy xu hướng chuyển đổi số ngày càng rõ trong ngành cà phê Việt Nam.
- National Geographic đã nhắc tới Buôn Ma Thuột (Đắc Lắc) như thủ phủ cà phê Robusta của Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 01/06/2026 đến ngày 29/05/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắc Lắc tăng so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 88.073 VNĐ/kg, tăng 1,9% so với tuần trước, và giảm 29,5% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 89.033 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 87.533 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 87.620 VNĐ/kg, tăng 2,3% so với tuần trước, và giảm 29,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 88.600 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 87.000 VNĐ/kg. [1]

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 4/2026 có dấu hiệu chững lại về giá trị, mặc dù lượng xuất khẩu vẫn duy trì xu hướng tăng. Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 4/2026, Việt Nam xuất khẩu khoảng 190 nghìn tấn cà phê, đạt gần 823 triệu USD; so với cùng kỳ năm trước, lượng tăng 9,2% nhưng kim ngạch giảm 17,9%.[2]

Tính chung 4 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu cà phê đạt khoảng 782 nghìn tấn, trị giá 3,58 tỷ USD, tăng 11,7% về lượng nhưng giảm 9,8% về giá trị. Diễn biến này chủ yếu do giá xuất khẩu bình quân giảm mạnh, chỉ đạt khoảng 4.575 USD/tấn, thấp hơn 19,4% so với cùng kỳ năm 2025.[2]

Sau giai đoạn tăng cao trong năm 2025, giá cà phê thế giới bước vào chu kỳ điều chỉnh khi nguồn cung từ một số nước sản xuất lớn được cải thiện, trong khi nhu cầu nhập khẩu phục hồi chưa đồng đều. Dù vậy, cà phê Việt Nam vẫn duy trì vị thế tại EU, Hoa Kỳ và ghi nhận tăng trưởng tích cực tại Trung Quốc.[2]



PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ SƠN LA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Sơn La hiện là một trong những vùng trồng cà phê Arabica lớn của Việt Nam, với hơn 33.600 ha, sản lượng cà phê nhân đạt khoảng 37.700 tấn/năm, tập trung chủ yếu trên cao nguyên Nà Sản đến khu vực chân đèo Pha Đin. Trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế, ngành cà phê Sơn La đang chuyển dịch từ phát triển theo diện tích sang nâng cao chất lượng, chế biến sâu và xây dựng chuỗi đa giá trị. Một số hợp tác xã đã trở thành lực lượng nòng cốt trong quá trình này. HTX Cà phê Bích Thao hiện liên kết khoảng 1.200 hộ, xây dựng 500 ha cà phê giảm phát thải và 1.500 ha vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu; niên vụ 2025–2026 chế biến khoảng 4.000 tấn cà phê nhân, trong đó 95% xuất khẩu sang EU, Nhật Bản và Hàn Quốc. Trong khi đó, HTX Ara-Tay Coffee phát triển phân khúc cà phê đặc sản, cà phê mật ong, và cà phê bột; sản phẩm Aratay Coffee đạt OCOP 4 sao. Đến năm 2030, Sơn La đặt mục tiêu khoảng 35.000 ha cà phê, mở rộng gần 6.000 ha cà phê đặc sản, trên 80% diện tích đạt chứng nhận bền vững và giảm 15% phát thải khí nhà kính.[3]

SÁNG KIẾN ĐƯA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀO NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM

Sáng kiến đưa trí tuệ nhân tạo vào vùng trồng cà phê Việt Nam (đặc biệt là khu vực Tây Nguyên) của King Coffee cho thấy xu hướng chuyển đổi số ngày càng rõ trong ngành cà phê quốc gia, đặc biệt trước yêu cầu truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững của các thị trường nhập khẩu lớn. Trong bối cảnh Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu yêu cầu lô hàng cà phê phải xác định được tọa độ vùng trồng, việc số hóa dữ liệu sản xuất, gắn mã định danh, lưu trữ lịch sử canh tác và minh bạch chuỗi cung ứng trở thành yêu cầu cấp thiết đối với hơn 600.000 nông hộ sản xuất phân tán. Thông qua Liên minh Cà phê toàn cầu và Học viện Trí tuệ nhân tạo về cà phê, King Coffee định hướng ứng dụng AI trong dự báo sản lượng, cảnh báo dịch bệnh, nhận diện rủi ro thời tiết, tối ưu hóa canh tác và phân tích xu hướng thị trường. Công nghệ blockchain và AI cũng được kỳ vọng hỗ trợ kết nối các chủ thể trong chuỗi giá trị, giảm bất đối xứng thông tin và nâng cao vị thế của người trồng.[4]

CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT ĐƯỢC QUỐC TẾ GHI NHẬN

Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk, được National Geographic (tạp chí chính thức của Hội Địa lý Quốc gia Hoa Kỳ) nhắc đến trong danh sách các điểm đến ẩm thực nổi bật thế giới năm 2026, qua đó khẳng định vai trò của địa phương này trong bản đồ cà phê toàn cầu. Với vị thế là trung tâm sản xuất cà phê Robusta quan trọng của Việt Nam, Buôn Ma Thuột không chỉ đóng góp lớn vào sản lượng và xuất khẩu cà phê quốc gia, mà còn đang từng bước chuyển đổi từ vùng nguyên liệu sang điểm đến du lịch trải nghiệm. Điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu đặc trưng của Tây Nguyên đã tạo nên hương vị riêng cho cà phê Robusta, góp phần củng cố thương hiệu cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế. Bên cạnh hoạt động sản xuất, hệ sinh thái du lịch cà phê tại Buôn Ma Thuột ngày càng được mở rộng thông qua các không gian thưởng thức cà phê, Bảo tàng Thế giới Cà phê và các trang trại đón khách tham quan quy trình trồng. Những trải nghiệm đặc trưng như cà phê phin, cà phê sữa, cà phê trứng hay cà phê muối cũng góp phần làm phong phú giá trị văn hóa ẩm thực địa phương.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	87.000	87.300	88.000	87.200	88.600	87.620	1.960
Di Linh	87.000	87.300	88.000	87.200	88.600	87.620	1.960
Lâm Hà	87.000	87.300	88.000	87.200	88.600	87.620	1.960
Bảo Lộc	87.000	87.300	88.000	87.200	88.600	87.620	1.960
ĐẮK LẮK	87.533	87.733	88.433	87.633	89.033	88.073	1.920
Cư M'gar	87.600	87.800	88.500	87.700	89.100	88.140	1.920
Ea H'leo	87.500	87.700	88.400	87.600	89.000	88.040	1.920
Buôn Hồ	87.500	87.700	88.400	87.600	89.000	88.040	1.920
GIA LAI	87.533	87.733	88.433	87.633	89.033	88.073	1.953
Chư Prông	87.600	87.800	88.500	87.700	89.100	88.140	2.020
Pleiku	87.500	87.700	88.400	87.600	89.000	88.040	1.920
La Grai	87.500	87.700	88.400	87.600	89.000	88.040	1.920
Quảng Ngãi	87.500	87.700	88.400	87.600	89.000	88.040	1.920
Kon Tum	87.500	87.700	88.400	87.600	89.000	88.040	1.920

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://dailycoffeenews.com>
- [4]: <https://dailycoffeenews.com>
- [5]: <https://www.gcrmag.com>
- [6]: <https://perfectdailygrind.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://vneconomy.vn>
- [3]: <https://baosonla.vn>
- [4]: <https://vnexpress.net>
- [5]: <https://vov.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn